

CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TẠI HÀN QUỐC GIAI ĐOẠN CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

Nguyễn Lê Thu*, Trần Tùng Ngọc

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 16 tháng 01 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 18 tháng 02 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 31 tháng 03 năm 2020

Tóm tắt: Chủ nghĩa dân tộc (*Nationalism*) là một trong số những tư tưởng được tiếp nhận vào Hàn Quốc nói riêng và khu vực Đông Á nói chung trong giai đoạn cận đại cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Đây cũng là một trào lưu tư tưởng có sức ảnh hưởng quan trọng trong tiến trình lịch sử - văn hóa của quốc gia này. Nghiên cứu này hướng tới mục tiêu khái lược lại quá trình tiếp nhận và quan điểm của về chủ nghĩa dân tộc qua nhận định của một số trí thức - học giả tiêu biểu tại Hàn Quốc giai đoạn đầu thế kỉ XX. Đồng thời, nghiên cứu xác định những đặc điểm của tư tưởng chủ nghĩa dân tộc cùng ảnh hưởng của nó trên một số phương diện của đời sống xã hội như phong trào đấu tranh yêu nước, trào lưu nghiên cứu và giáo dục quốc học, và bình diện sáng tác văn học nghệ thuật.

Từ khóa: chủ nghĩa dân tộc, lịch sử Hàn Quốc cận đại, Hàn Quốc học cận đại.

1. Đặt vấn đề

Từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX là giai đoạn diễn ra nhiều biến động nhất trong lịch sử Hàn Quốc và được gọi bằng cụm từ “*thời kì khai sáng cận đại*”. Thời kì khai sáng cận đại của Hàn Quốc được hình thành trong bối cảnh ở bên ngoài là thời đại hoàng kim của “*chủ nghĩa đế quốc*” muốn khẳng định sức mạnh và khuếch trương ảnh hưởng bằng những cuộc xâm lược thuộc địa quy mô lớn, còn ở trong nước, thể chế phong kiến sụp đổ, phong trào phản đế, phản phong kiến nhằm xây dựng một quốc gia dân tộc hiện đại diễn ra một cách mạnh mẽ và đậm nét đại chúng. Đây là thời đại thuận lợi cho sự nảy nở và trưởng thành của chủ nghĩa dân tộc. Đó là quãng thời gian đen tối và đau thương của Hàn Quốc bởi Hàn Quốc trở thành thuộc địa của Nhật Bản nhưng lại là giai đoạn đầy biến động và thể

hiện rõ nét tinh thần dân tộc nhất trong lịch sử Hàn Quốc. Cũng tại thời điểm này, không gian cận đại của Hàn Quốc được bắt đầu. Những trăn trở để đạt được mục tiêu xây dựng một quốc gia dân tộc hiện đại dù được thực hiện bằng con đường duy tân hay đấu tranh để khôi phục quốc quyền, chấn hưng quốc thể, tất cả đều trải qua quá trình nhận thức về “dân tộc” trong thời đại mới – chủ nghĩa dân tộc Đông Á, mà ảnh hưởng trực tiếp là Trung Quốc và Nhật Bản. Bởi vậy, thời kì khai sáng cận đại còn được coi là thời đại phát kiến của (chủ nghĩa) dân tộc mang màu sắc hiện đại ở Hàn Quốc (Ko Mi-sook, 2001).

Tư tưởng chủ nghĩa dân tộc được tiếp nhận tại Hàn Quốc từ đầu thế kỉ XX, sau đó nhanh chóng lan rộng ra toàn xã hội và được sử dụng một cách rộng rãi trong các đoàn thể quần chúng. Tư tưởng này có vai trò quan trọng trong hầu khắp các lĩnh vực như xã hội, ngôn luận, văn hóa, văn học, giáo dục ... Trong đó, ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc

* Tác giả liên hệ: ĐT: 84-90 489 5636

Email: thunl1981@gmail.com

Nghiên cứu này được hoàn thành với sự hỗ trợ của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài mã số: N.19.03.

được thể hiện rõ nét nhất ở các lĩnh vực cụ thể; đó là các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, trào lưu nghiên cứu quốc học và sáng tác văn học.

Nghiên cứu về chủ nghĩa dân tộc mở ra cánh cửa để tìm hiểu về quá trình cận đại hóa của Hàn Quốc, giúp làm sáng tỏ bối cảnh ra đời của Hàn Quốc học tại quốc gia này. Trong số các công trình nghiên cứu về lý luận chủ nghĩa dân tộc tại Hàn Quốc thời kì cận đại có thể kể đến một số công trình của các nhà nghiên cứu như Park Chan-seung (2016), Yun Hae-dong (2000), Yu In-jin (2000), Kim Il-yeong (2006),...

Nhà nghiên cứu Park Chan-seung trong chuyên khảo *Dân tộc – Dân tộc chủ nghĩa* (2016) tập trung phân tích lịch sử khái niệm, từ nguyên, quá trình tiếp nhận khái niệm Dân tộc và Chủ nghĩa dân tộc tại Hàn Quốc. Đây là một trong những công trình nghiên cứu chuyên sâu nhất về lịch sử khái niệm nói chung và lịch sử khái niệm Dân tộc – Dân tộc chủ nghĩa nói riêng tại Hàn Quốc. Trong bài viết *Phê phán tính cận đại của chủ nghĩa dân tộc Hàn Quốc* đăng trên tạp chí *Nghiên cứu vấn đề lịch sử* - số 4 (2000), giáo sư Yun Hae-dong (ĐHQG Seoul) tập trung khái quát những đặc trưng lịch sử của chủ nghĩa dân tộc và triển vọng của chủ nghĩa dân tộc trong giai đoạn hiện đại (Yun Hae-dong, 2000, 41). Các công trình nghiên cứu của Yu In-jin (2000) hay Kim Il-yeong (2006) tập trung phân tích tư tưởng dân tộc chủ nghĩa tại Hàn Quốc dưới góc độ xã hội học hiện đại hay chủ nghĩa dân tộc giai đoạn cầm quyền của tổng thống Park Chung-hee. Hiện nay tại Việt Nam, nghiên cứu về lịch sử cận đại, tiến trình cận đại hóa của Hàn Quốc nói chung và chủ nghĩa dân tộc tại Hàn Quốc giai đoạn đầu thế kỉ 20 nói riêng vẫn đang còn là một đề tài mới mẻ trong giới nghiên cứu khoa học về Hàn Quốc tại Việt Nam.

Do những đặc tính phức tạp của bối cảnh lịch sử giai đoạn cuối thế kỉ 19 - đầu thế kỉ

20, tư tưởng chủ nghĩa dân tộc đã được giới trí thức và sau đó là quần chúng tại Hàn Quốc tiếp nhận và phổ biến một cách chủ động. Tuy nhiên, tư tưởng về chủ nghĩa dân tộc cũng có sự biến thiên không ngừng qua các thời kì lịch sử trong đó có thể kể đến trào lưu dân tộc chủ nghĩa của các chí sĩ tiêu biểu như Shin Chaeho, Park Eun-shik,... và giai đoạn đầu thế kỉ 20, trào lưu tân dân tộc chủ nghĩa của các chí sĩ đại diện là Anh Jae-hong. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung đi vào tìm hiểu quá trình truyền bá và tiếp nhận tư tưởng chủ nghĩa dân tộc tại Hàn Quốc, các ảnh hưởng cụ thể của chủ nghĩa dân tộc trong các lĩnh vực trên, từ đó rút ra những đặc điểm khái quát về chủ nghĩa dân tộc ở Hàn Quốc đầu thế kỉ XX. Đây là giai đoạn đầu tiên có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình tiếp nhận tư tưởng dân tộc chủ nghĩa tại Hàn Quốc, đồng thời xác lập vị trí của trào lưu này trong lịch sử tư tưởng Hàn Quốc.

2. Quá trình truyền bá và tiếp nhận tư tưởng chủ nghĩa dân tộc tại Hàn Quốc đầu thế kỉ XX

2.1. Sự du nhập của tư tưởng chủ nghĩa dân tộc

Khái niệm *Nationalism* khi du nhập vào khu vực Đông Á được tiếp nhận và biên dịch thành các khái niệm *chủ nghĩa dân tộc*, *chủ nghĩa quốc gia*, *chủ nghĩa quốc dân*... trong đó ở mỗi quốc gia, cách biên dịch và sử dụng lại không đồng nhất với nhau. Giai đoạn đầu thế kỉ XX, trong khi người Hàn Quốc thường đề cập đến *chủ nghĩa dân tộc* (民族主義), người Nhật Bản và người Việt Nam sử dụng từ *chủ nghĩa quốc gia* (國家主義), thì người Trung Quốc lại giải thích với nội hàm ý nghĩa của *chủ nghĩa ái quốc* (愛國主義) (Park Chan-seung, 2016, 131).

Khái niệm *Chủ nghĩa dân tộc* bắt đầu được du nhập vào Hàn Quốc vào khoảng năm 1906 cùng với khái niệm *chủ nghĩa đế quốc*. Nó được tiếp nhận thông qua các du học sinh tại

Nhật Bản và những trí thức chịu ảnh hưởng từ tư tưởng của Lương Khải Siêu (Viện Nghiên cứu Hàn Quốc học Trung ương, 2019). Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Lương Khải Siêu là sự kết hợp giữa các yếu tố dân tộc và dân chủ, giữa bảo tồn các giá trị của dân tộc và vay mượn các yếu tố từ phương Tây. Hình thức của chủ nghĩa dân tộc Lương Khải Siêu là hình thành cộng đồng dân tộc trên nền tảng chống lại các thế lực bên ngoài và tự mình vươn lên (Cao Cường & Lưu Hải Linh, 2002). Một cách khái quát, chủ nghĩa dân tộc của Lương Khải Siêu bao gồm nội dung cốt kết cộng đồng dân tộc để bảo vệ quốc gia trước những yếu tố xâm thực từ các thế lực bên ngoài.

Shin Chae-ho (申菜浩, 1880-1936) được coi là nhà tri thức dân tộc chủ nghĩa tiêu biểu ở Hàn Quốc giai đoạn cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX. Nhận thức của ông về chủ nghĩa dân tộc cũng bao hàm rất nhiều điểm tương đồng với quan điểm của Lương Khải Siêu. Trong bài viết *Chủ nghĩa đế quốc và Chủ nghĩa dân tộc* (데국주의와 민족주의) đăng trên *Đại Hàn mỗi nhật tân báo* (大韓每日新報) số ra ngày 28/5/1909, Shin Chae-ho giải thích chủ nghĩa dân tộc theo các góc độ: (1) Chủ nghĩa không can thiệp vào dân tộc khác; (2) Đất nước ta là do dân tộc ta làm chủ. Chủ nghĩa dân tộc theo Shin Chae-ho “*chỉ có một pháp môn bất nhị là bảo toàn dân tộc*” (Shin Chae-ho, 2017), đó là vũ khí để chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa đế quốc.

Mặt khác, theo bài viết của Choi Dong-shik đăng trên *Honam học báo* (湖南學報) số ra ngày 25/10/1908 thì chủ nghĩa dân tộc có nghĩa là “*việc những người có cùng tập tục, cùng văn tự, ngôn ngữ và chủng tộc, chiếm cứ lấy một vùng đất nhất định, dùng sức mạnh của mình để tự trị và duy trì nền độc lập cùng với đồng bào của mình, nhằm tới một lợi ích chung và đề phòng những dân tộc khác*” (Choi Dong-shik, 1908). Theo đó, chủ nghĩa

dân tộc hay tinh thần dân tộc thời kỳ này ở Hàn Quốc không đơn thuần chỉ là chủ trương về những đặc tính cố hữu của dân tộc mà còn là sự cố sức cho phong trào đấu tranh đòi độc lập, tự do.

Cùng với việc tiếp nhận những quan điểm về dân tộc và tư tưởng chủ nghĩa dân tộc, nhu cầu khẳng định tính bản sắc – bản thể của cộng đồng dân tộc đã được đề ra trong bối cảnh đầu thế kỉ XX tại Hàn Quốc. Theo đó, sự khẳng định tính bản thể về mặt lịch sử - văn hóa đã kết hợp với tư tưởng chủ nghĩa dân tộc để hình thành nên chủ nghĩa dân tộc văn hóa (*cultural nationalism*) – một đặc trưng tiêu biểu của chủ nghĩa dân tộc Hàn Quốc đầu thế kỉ XX.

2.2. Biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc văn hóa tại Hàn Quốc

Đặc trưng của chủ nghĩa dân tộc khi du nhập vào bán đảo Triều Tiên là sự kết hợp với các yếu tố văn hóa, truyền thống bản địa để hình thành nên *chủ nghĩa dân tộc văn hóa* (*cultural nationalism*). *Chủ nghĩa dân tộc văn hóa* đã xây dựng nên một hệ thống các biểu tượng, giá trị tượng trưng làm trụ cột cho tính chính thể dân tộc mà mỗi cá nhân là thành viên trong dân tộc đó đều kế thừa. Tư tưởng có thể được tìm thấy trong phương thức sinh hoạt và cuộc sống của một dân tộc trải dài trên các phương diện như phong tục tập quán, nghệ thuật, truyền thống, ngôn ngữ,... (Lee Jong-kwon, 2006). Hệ thống biểu tượng được lựa chọn là giá trị của cộng đồng bao gồm những giá trị phổ biến, mang tính quy phạm.

Biểu hiện đầu tiên của chủ nghĩa dân tộc văn hóa là việc **xây dựng khái niệm Quốc hồn (國魂) và Quốc túy (國粹)**. Thời kỳ đầu thế kỉ XX, trong giới du học sinh Triều Tiên rất thịnh hành khái niệm *Triều Tiên hồn* (조선혼). Có quan điểm thời bấy giờ cho rằng: “*Giống như mỗi con người đều có linh hồn thì quốc gia cũng có quốc hồn vậy, quốc gia còn thì hồn còn, quốc gia mất thì hồn mất,*

hai khái niệm này (quốc gia và quốc hồn) dù chỉ một chút thôi cũng không thể nào phân ly được” (Park Chan-seung, 2016). Tương đương với khái niệm Triều Tiên hồn là khái niệm *Tinh thần Đại Hàn* (大韓精神 – cách dùng từ của Park Eun-shik).

Biểu hiện thứ hai của chủ nghĩa dân tộc văn hóa là sự nhấn mạnh vào **tín ngưỡng chung thờ cúng quốc tổ**. Ở Hàn Quốc, tư tưởng sùng bái Dangun (Đàn Quân, 단군) phát triển một cách mạnh mẽ ngay sau Cải cách Giáp Ngọ (1894). Thời bấy giờ, các sách giáo khoa lịch sử đều nhấn mạnh đến vai trò khai quốc và địa vị thủy tổ dân tộc của Dangun. Năm 1909, Dangun giáo ra đời tại Seoul với 10 tín đồ đầu tiên, sau này phát triển thành Đại Tông Giáo (대종교). Sự nhấn mạnh vào tín ngưỡng thờ cúng Quốc tổ đã trở thành điểm tựa để xác định, củng cố niềm tự hào về xuất thân cao quý cũng như lịch sử lâu đời của dân tộc. Thuật ngữ *con cháu Dangun* (단군의 자손) được sử dụng rộng rãi trên báo chí, văn học, sử học, ... như một biểu tượng để khơi gợi lòng yêu nước và cố kết dân tộc.

Biểu hiện thứ ba của chủ nghĩa dân tộc văn hóa là nhấn mạnh **vai trò của giáo dục Quốc sử**. Giáo dục Quốc sử đã trở thành phương tiện hữu hiệu nhất để truyền bá tinh thần yêu nước, tinh thần phản kháng, đấu tranh giành độc lập ở Hàn Quốc. Các sử gia tiêu biểu của nền sử học dân tộc chủ nghĩa thời kì đầu như Shin Chae-ho, Park Eun-shik, Choi Nam-seon, ... đã sử dụng những công trình nghiên cứu của mình như một công cụ hữu hiệu để giáo dục và truyền bá lòng yêu nước. Đồng thời, nền sử học dân tộc chủ nghĩa cũng đóng vai trò quan trọng trong việc chống lại sự quan thực dân cùng những nỗ lực đồng hóa và bóp méo lịch sử Hàn Quốc của chính quyền cai trị Nhật Bản.

Biểu hiện thứ tư của chủ nghĩa dân tộc văn hóa là việc nhấn mạnh vào việc **sử dụng chữ**

Quốc ngữ. Tại Hàn Quốc, *Triều Tiên ngữ học hội* (조선어학회) ra đời năm 1942 đã rất nỗ lực trong việc “phổ cập chữ Hangeul, thống nhất về chính tả và quy định ngôn ngữ chuẩn”. Hoạt động của *Triều Tiên ngữ học hội* cũng là một phong trào đấu tranh nhằm kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc (Ban biên soạn giáo trình Hàn Quốc học, 2005). Trên tiến trình cách mạng, việc tuyên truyền học tập và sử dụng chữ Quốc ngữ nắm giữ vị thế đặc biệt quan trọng. Ở Hàn Quốc, việc học tập và truyền bá Quốc ngữ cùng chữ viết Hangeul vừa là sự chống lại chính sách đồng hóa về mặt ngôn ngữ - văn hóa của Nhật Bản, vừa là sự nhắc nhở về tinh thần độc lập, tự chủ và truyền thống văn hóa, thời kỳ phát triển cường thịnh dưới triều vua Thế Tông – nhà vua đã sáng tạo ra chữ Hangeul.

Biểu hiện thứ năm của chủ nghĩa dân tộc văn hóa là **sự hình thành của một nền văn học mới** với mục tiêu “ngôn văn nhất trí”, đưa chữ Hangeul trở thành “quốc ngữ” và xây dựng một nền “quốc văn” cho một “quốc gia” mới. Nhu cầu khao khát thông tin, sự chuyển đổi phương thức tiếp nhận thông tin từ “nghe bằng tai” mang tính tập thể sang “đọc bằng mắt” mang tính cá nhân đã thúc đẩy sự phát triển của hình thức ngôn luận là báo chí. Yêu cầu về tính mới, tính cập nhật của báo chí là tiền đề cho sự ra đời của những món ăn tinh thần mới – đó là các bài xã luận, nghị luận xã hội, truyện ngắn, tiểu thuyết đăng nhiều kì, tin vắn, v.v... Văn học được khoác lên một sứ mệnh mới – đó là giác ngộ về thời đại và thức tỉnh nhận thức dân tộc cho người dân Hàn Quốc.

3. Ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc tại Hàn Quốc đầu thế kỉ XX

3.1. Ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc tới phong trào yêu nước

Trong quá trình tiếp nhận và phát triển, tư tưởng chủ nghĩa dân tộc đã có những ảnh hưởng sâu sắc tới phong trào đấu tranh yêu

nước tại Hàn Quốc giai đoạn đầu thế kỉ XX. Vào thập niên 1910, sau khi Hàn Quốc chính thức bị thôn tính và sáp nhập vào Đế quốc Nhật Bản, nhiều trí thức đã tìm cách lưu vong và hoạt động tại nước ngoài. Họ đã sử dụng tư tưởng chủ nghĩa dân tộc như một vũ khí nhằm đấu tranh khôi phục lại nền độc lập dân tộc. Các trí thức lưu vong tại Trung Quốc đã tìm cách phát triển và khuếch trương sức ảnh hưởng của Đại tông giáo (대종교) – một tôn giáo xuất phát từ tín ngưỡng bản địa của dân tộc Hàn.

Tổ chức đầu tiên của tôn giáo này được thành lập vào năm 1909 với sứ mệnh phục hưng tín ngưỡng bản địa trước nguy cơ ngoại xâm và sự xâm nhập của Tây học (Thiên Chúa giáo). Những nhà hoạt động của Đại tông giáo đã công bố về sự Trùng quang (重光) của Dangun (Đàn Quân, 단군, thủy tổ dân tộc). Nhấn mạnh vào tín ngưỡng sùng bái quốc tổ, Đại tông giáo đề ra thuyết Tam vị nhất thể dựa trên sự hệ thống hóa các thần linh bản địa bao gồm Thần Tạo hóa Hwanin (造化神 환인), Thần Giáo hóa Hwanung (教化神 환웅), Thần Trị hóa Hwangeom (治化神 환검) tức Dangun (Ủy ban biên soạn Đại sự điển bách khoa Hàn Quốc học, 1994). Trên cơ sở đó, những trí thức lưu vong đã nhấn mạnh vào tính đồng chất của dân tộc Hàn dựa trên quan điểm “con cháu Dangun” (단군의 자손), từ đó cổ vũ, khích lệ lòng yêu nước và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Cũng trong giai đoạn thập niên 1910, những trí thức lưu vong đã vượt ra khỏi chủ nghĩa dân tộc tự cường (자강론적 민족주의) vốn không thể phủ nhận hoàn toàn chủ nghĩa đế quốc, để chuyển sang sử dụng lý luận về chủ thuyết bình đẳng (평등주의) và chủ thuyết dân tộc tự quyết (민족자결론). Tư tưởng về chủ nghĩa dân tộc mới được xây dựng thể hiện rõ nét qua bản *Đại Đông đoàn kết tuyên ngôn* (대동단결선언) do Shin Kyu Shik và

Park Eun-shik soạn thảo năm 1917. Trong đó, các nhà dân tộc chủ nghĩa đã bác bỏ tư tưởng bảo hoàng với quan điểm chủ quyền thuộc về hoàng đế và hướng tới tư tưởng cộng hòa nơi chủ quyền thuộc về quốc dân. Tư tưởng dân tộc chủ nghĩa có sự kết hợp với chủ nghĩa dân chủ cộng hòa này chịu sự ảnh hưởng từ Cách mạng Tân Hợi tại Trung Quốc (1911), Cách mạng Đức và Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) (Hội nghiên cứu Lịch sử Hàn Quốc, 2009).

Năm 1919, trên cơ sở chủ nghĩa dân tộc tự quyết, 33 trí thức yêu nước đã ký vào bản Tuyên ngôn độc lập 3 · 1 (3 · 1 독립선언서). Phong trào 3 · 1 (삼일운동) mặc dù không thành công và bị chính quyền thực dân đàn áp, song đã để lại ý nghĩa lịch sử quan trọng. Đây là lần đầu tiên kể từ khi du nhập, tư tưởng về “Dân tộc Hàn” được kết tập thành một làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng không phân biệt thân phận, giai cấp, địa phương, tôn giáo,... Phong trào đã củng cố tinh thần yêu nước và đấu tranh của người Hàn, trực tiếp dẫn tới sự ra đời của Chính phủ Lâm thời Đại Hàn Dân Quốc và tổ chức Hàn Quốc Quang phục quân hoạt động chủ yếu tại Trung Quốc.

Bước sang đầu thập niên 1920, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa tại Hàn Quốc được triển khai mạnh mẽ dưới dạng các phong trào văn hóa (문화운동) mà mục tiêu của nó nhấn mạnh vào tính quan trọng của việc nuôi dưỡng, vun bồi thực lực chuẩn bị cho độc lập dân tộc. Phong trào văn hóa mang hơi hướng dân tộc chủ nghĩa được kế tục và phát triển từ chủ nghĩa dân tộc tự cường được tầng lớp trí thức mới xây dựng giai đoạn thập niên 1910. Giống như phong trào cải cách ở Việt Nam, lý luận của phong trào văn hóa tại Hàn Quốc chủ trương thanh toán những yếu tố văn hóa đã cũ, lạc hậu, xây dựng nền văn hóa mới tiến bộ thông qua giáo dục, phát triển thực nghiệp (công nghiệp,

thương nghiệp), đặt trọng tâm vào phát triển sức mạnh, thực lực của quốc gia. Chỉ như vậy, dân tộc mới có đủ năng lực và tư cách để giành được độc lập. Việc xây dựng nền văn hóa mới cần phải bắt đầu từ mỗi người dân, bởi lẽ sức mạnh của dân tộc chính là sức mạnh tổng hòa từ mỗi cá nhân (Quỹ Lịch sử Đông Bắc Á, 2019).

Trong giai đoạn này, các phong trào như khuyến khích sản xuất (물산장려운동), phong trào xây dựng đại học tư thực (민립대학기성운동), phong trào đấu tranh tự trị (자치운동) được đề xướng thực hiện. Cùng với đó, nhóm những nhà dân tộc chủ nghĩa trong nước bắt đầu có sự phân hóa. Một bộ phận xa rời với chủ thuyết dân tộc tự quyết và độc lập tuyệt đối (절대독립) và có diễn biến thỏa hiệp với chính quyền thực dân. Tuy nhiên, đại bộ phận các nhà dân tộc chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa kịch liệt phản đối tư tưởng tự trị và duy trì mục tiêu độc lập tuyệt đối cho dân tộc. Tờ Nhật báo Joseon (조선일보) mà An Jae Hong đóng vai trò tích cực trở thành cơ quan ngôn luận tiêu biểu cho tư tưởng độc lập tuyệt đối, phủ nhận tính khả thi của phong trào tự trị (Hội Nghiên cứu Lịch sử Hàn Quốc, 2009). Phong trào tự trị do vậy tiếp tục tồn tại đến khoảng đầu thập niên 1930 thì bị dập tắt.

Mặc dù tư tưởng dân tộc chủ nghĩa liên tục có sự biến đổi, phân hóa và thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, song tựu trung lại, phong trào đấu tranh dân tộc chủ nghĩa đã có những đóng góp tích cực trong quá trình đấu tranh giành độc lập của Hàn Quốc. Cụ thể, chủ nghĩa dân tộc là một phương tiện hữu hiệu để cổ xúy tinh thần yêu nước, tư tưởng dân tộc yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc của người Hàn. Một mặt các phong trào văn hóa được khởi xướng cũng đã để lại nhiều thành quả trong việc xây dựng thực lực dân tộc và khai sinh ra nền quốc học mới.

3.2. Ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc trong nghiên cứu quốc học

Trong bối cảnh xã hội cận đại cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, nhu cầu phân định rõ về tính dân tộc hình thành, tạo cơ sở để phản kháng trước mỗi đe dọa của chủ nghĩa đế quốc và sự xâm lược của văn hóa phương Tây qua phong trào Tây học. Điều đó đã trực tiếp thúc đẩy sự hình thành của nền Quốc học sơ kì. Phong trào nghiên cứu quốc học bắt đầu khởi xướng từ những lĩnh vực cơ bản là ngữ văn và lịch sử. Trong đó, những nhà nghiên cứu đã bước đầu áp dụng những thành tựu của phương pháp luận cận đại để chứng minh cho tính độc đáo và tính dân tộc của ngôn ngữ, chữ viết và lịch sử của dân tộc mình.

Phong trào vận động quốc ngữ quốc văn (국어국문운동) hình thành từ cuối thế kỉ XIX dưới ảnh hưởng của trào lưu khai sáng. Thông qua các công trình nghiên cứu đầu tiên, các học giả đã xác lập nền tảng về mặt lý luận và những quy phạm cho ngôn ngữ viết tại Hàn Quốc. Một số công trình tiêu biểu thời kì này có thể kể đến như: *Quốc văn luận* (國文論, 1896), *Tân đính quốc văn* (新訂國文, 1905), *Ngạn văn* (諺文, 1909) của Ji Seok-young, *Quốc văn chỉnh lý* (國文整理, 1897) của Lee Bong-woon, *Đại Hàn văn điển* (大韓文典, 1908) của Yoo Gil-jun, *Đại Hàn Quốc ngữ văn pháp* (大韓國語文法, 1906), *Quốc ngữ văn điển âm học* (國語文典音學, 1908), *Quốc ngữ văn pháp* (國語文法, 1910), *Âm thanh của lời nói* (말의 소리, 1914) của Joo Shi-kyung,...

Năm 1907, Viện nghiên cứu Quốc văn (國文研究所) được thành lập đã đưa ra đường hướng nghiên cứu mang tính quốc gia về ngữ văn Hàn bao gồm cả nguyên lý, lịch sử quá trình, cách sử dụng và định hướng tương lai. Năm 1909, Viện nghiên cứu Quốc văn đưa ra Đề án về nghiên cứu quốc văn tổng hợp lại các bài luận về cách dùng từ, quy định quy

tắc ghép vần, sắp xếp lại hệ thống văn tự quốc văn,... nhằm khắc phục tình trạng hỗn loạn trong việc sử dụng ngôn ngữ đầu thế kỉ XX.

Học giả Joo Shi Kyung (周時經, 1876 – 1914), một trong những trụ cột của phong trào nghiên cứu ngôn ngữ đầu thế kỉ XX, đã nhấn mạnh về vị trí, vai trò ngôn ngữ và chữ viết của một dân tộc. Trong đó, chủ thể sử dụng ngôn ngữ và chữ viết là nhân dân, thuộc về quốc gia. Ngôn ngữ bao gồm lời nói và chữ viết mang tính đặc thù và tính độc lập của dân tộc. Qua đó, khẳng định mỗi người dân trong nước đều phải tôn sùng và yêu mến ngôn ngữ và văn học dân tộc (Kwon Young-min, 2010).

Tháng 12 năm 1921, Triều Tiên ngữ học hội (조선어학회) ra đời. Tháng 10 năm 1929, tổ chức Hội biên soạn từ điển tiếng Triều Tiên (조선어사전편찬회) được thành lập. Với mục đích biên soạn một cuốn từ điển nhằm bảo hộ ngôn ngữ, tinh thần và văn hóa dân tộc, hội đã có những hoạt động tích cực trong việc nghiên cứu và phổ cập chữ quốc ngữ với nhiều công trình như *Đề án thống nhất cách ghép vần Hangeul* (한글맞춤법통일안), *Điều tra và xác lập ngôn ngữ tiêu chuẩn* (標準語査定), *Biểu thị từ ngoại lai* (외래어표기)...

Bên cạnh ngữ văn, lịch sử là một lĩnh vực nghiên cứu quan trọng nhằm xác lập tính bản sắc và tính chính thống của quốc gia dân tộc. Giai đoạn đầu thế kỉ XX đánh dấu sự ra đời của khuynh hướng sử học dân tộc chủ nghĩa với những tên tuổi lớn như Shin Chae-ho, Park Eun-shik.

Shin Chae-ho được đánh giá là một trong những sử gia lỗi lạc nhất của nền sử học cận đại Hàn Quốc. Ông tập trung nghiên cứu về lịch sử cổ trung đại với các công trình tiêu biểu như *Độc sử tân luận* (讀史新論, 1908), *Triều Tiên thượng cổ sử* (朝鮮上古史, 1924), *Bản thảo nghiên cứu lịch sử Triều Tiên* (朝鮮史研究草, 1924), *Triều Tiên sử luận* (朝鮮史論, 1946),... Shin Chae-ho với tuyên ngôn nổi

tiếng “Lịch sử là cuộc đấu tranh giữa Ngã và Phi ngã” đã dùng sử học như một vũ khí hữu dụng trong cuộc đấu tranh chống lại sự quan thực dân mà cụ thể là Hội biên soạn Lịch sử Triều Tiên được lập ra bởi Triều Tiên Tổng đốc phủ với mục đích bóp méo lịch sử Triều Tiên phục vụ cho quá trình xâm lược và cai trị. Các tác phẩm của Shin Chae-ho đã góp phần chứng minh tính truyền thống, tính độc đáo và tính chính thể của lịch sử Triều Tiên.

Park Eun-shik (朴殷植, 1859 – 1925) tập trung vào mảng lịch sử cận đại với các tác phẩm chính yếu như *An Jung-geun* (안중근, 1914), *Lịch sử cận đại các nước* (各國近史, 1915), *Hàn Quốc thống sử* (한국통사, 1915), *Huyết sử về phong trào độc lập Hàn Quốc* (한국운동지혈사, 1920). Bên cạnh đó, ông cũng có nhiều tác phẩm nghiên cứu sử học cổ trung đại hoặc sáng tác với đề tài lịch sử như *Đại Đông cổ đại sử luận* (大東古代史論), *Những ghi chép về Đông Minh Thánh Vương* (東明聖王實記), *Bột Hải Thái Tổ kiến quốc chí* (渤海太祖建國誌), *Mộng bài Kim Thái Tổ* (夢拜金太祖),... cùng một số công trình dịch như *Bột Hải sử* (渤海史), *Kim sử* (金史).

Trong các công trình nghiên cứu, Park Eun-shik đã đề xuất khái niệm *Quốc hồn*, theo đó sự hưng vong, thịnh suy của dân tộc đều nằm ở việc còn tồn tại, còn gìn giữ được quốc hồn hay không. Khái niệm *Tinh thần* hay *Hồn* dân tộc được tiếp nối qua các trước tác của sử gia Jeong Il-bo, đặc biệt là công trình Nghiên cứu lịch sử Triều Tiên (조선사연구). Jeong Il Bo đặt niềm tin đặc biệt vào sự tồn tại của Dangun – thủy tổ của dân tộc Hàn song chủ trương nhìn nhận nhân vật này dưới góc độ nhân cách hóa thay vì thần thánh hóa như quan điểm của Đại Tông Giáo (Trung tâm nghiên cứu Lịch sử Đại học Korea, 2017).

Tương tự, nhằm củng cố cho sử quan dân tộc chủ nghĩa và kêu gọi tinh thần dân tộc, sử gia Ahn Jae-hong đã đề xuất khái niệm “Chính

khí dân tộc” (민족정기) trong tác phẩm *Triều Tiên thương cổ sử giám* (조선상고사감) hay sử gia Moon Il-pyeong với khái niệm “Triều Tiên tâm” (조선심) trong cuốn *Triều Tiên sử thoại* (조선사화) (Seo Eui-shik, 2010).

Nghiên cứu của các sử gia theo trường phái dân tộc chủ nghĩa đã đóng một vai trò quan trọng trong thời điểm lịch sử đương thời. Nó đã cổ vũ cho tinh thần yêu nước, đấu tranh giành độc lập tự do của dân tộc Hàn. Sử quan dân tộc chủ nghĩa cũng là vũ khí hữu hiệu để chống lại sử quan thực dân của giới nghiên cứu được chính quyền Nhật Bản hậu thuẫn nhằm bóp méo lịch sử Hàn Quốc.

Về mặt lý luận, mặc dù còn hạn chế về mặt phương pháp và tính thực chứng, song so với sử quan phong kiến trước đó, sử học dân tộc chủ nghĩa đã có những bước tiến quan trọng đặt nền móng cho sử học cận hiện đại Hàn Quốc. Sử học dân tộc chủ nghĩa cũng đã đóng góp vào phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc như một vũ khí sắc bén về mặt lý luận.

Trước hết, thay vì các vương triều, dân tộc được coi là chủ thể của lịch sử. Vai trò của quần chúng nhân dân được đề cao bên cạnh sự khẳng định về vị trí của những anh hùng tiêu biểu trong lịch sử dân tộc. Nhân dân chính là những “người anh hùng vô danh” đã tạo dựng và duy trì lịch sử.

Thứ hai, lịch sử đã được sử dụng như một phương tiện để giáo dục truyền thống, ý thức dân tộc cho quần chúng nhân dân. Thông qua việc khẳng định về Quốc tổ Dangun, các sử gia đã củng cố ý thức rõ ràng về cội nguồn dân tộc, đồng thời khơi gợi, nuôi dưỡng lòng tự hào dân tộc và chủ nghĩa anh hùng.

Thứ ba, lịch sử được coi là vũ khí đấu tranh chống lại thế lực ngoại xâm. Mỗi tác phẩm sử học, văn học sử đóng vai trò là một bản án tố cáo chế độ thực dân đế quốc. Không dừng lại ở đó, sử học còn hướng tới kêu gọi

quần chúng nhân dân đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc. Đồng thời, bản thân sử học dân tộc chủ nghĩa cũng trực tiếp đấu tranh chống lại chính sách đồng hóa dân tộc và chủ trương bóp méo lịch sử Hàn Quốc của chính quyền Nhật Bản.

Thứ tư, cách nhìn nhận về vai trò và trách nhiệm của sử gia cũng có nhiều thay đổi. Những nhà sử học như Park Eun-shik, Shin Chae-ho đều là những nhà dân tộc chủ nghĩa và là nhà cách mạng tiêu biểu giai đoạn đầu thế kỉ XX. Xét trên phương diện công hiến về mặt sử học, những quan điểm luận thuyết, tư tưởng của họ đã mở ra một thời kì mới cho lịch sử sử học dân tộc, đóng vai trò gạch nối giữa sử học truyền thống và sử học hiện đại.

3.3. Ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc trong sáng tác văn học nghệ thuật

Trong những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, văn học giữ vai trò quan trọng trong việc truyền bá tư tưởng khai sáng ở Triều Tiên, thức tỉnh người dân Triều Tiên về nhiệm vụ xây dựng quốc gia dân tộc, vận mệnh của Triều Tiên trong thời đại mới. Văn học không còn là tấm gương phản chiếu hệ tư tưởng yêu nước trung nghĩa truyền thống mà đi vào hai nhiệm vụ trọng tâm chính: tôn vinh các giá trị truyền thống để khơi gợi lòng yêu nước, tinh thần dân tộc cũng như ý chí giành độc lập, bảo vệ chủ quyền đất nước; đề cao tư tưởng khai sáng văn minh, nhu cầu được học hỏi cái mới. Thời đại đã sản sinh ra một thế hệ nhà văn, nhà thơ trăn trở với phạm trù “dân tộc”. Những tác giả đi đầu trong nhận thức về dân tộc ở Triều Tiên đầu thế kỉ có thể kể ra là Shin Chae-ho, Lee Gwang-soo, Yeom Sang-seop.

Shin Chae-ho (申菜浩, 1880~1936) không chỉ được biết đến là một nhà sử học, một chí sĩ yêu nước mà còn là một nhà văn chân chính với những tiểu thuyết chính trị mang đậm tính khai sáng của thời đại. Tác phẩm “Bầu trời trong mơ” của ông là minh chứng điển hình cho

việc xây dựng hình tượng dân tộc trong văn học. Shin Chae-ho đã ngược về cội nguồn của dân tộc Hàn; đó chính là Thần thoại Dangun. Dangun trở thành trọng tâm của văn học Shin Chae-ho và tư tưởng Dangun chính là tư tưởng xuyên suốt trong thế giới văn học của ông.

Với Shin Chae-ho, Dangun chính là nhân vật có thể đoàn kết được toàn thể nhân dân Triều Tiên trước nguy cơ phải đối mặt với sự xâm lược của thế lực ngoại xâm. Ông cho rằng chỉ có Dangun mới khơi gợi và làm sống lại tinh thần tự hào dân tộc của người dân Triều Tiên. Dangun là thủy tổ, là cội nguồn của những người dân sống trên bán đảo Hàn; quốc gia do Dangun kiến tạo nên là một quốc gia độc lập và thịnh vượng, hoàn toàn đối lập với hiện thực đương thời. Shin Chae-ho đã định hướng người dân cùng hướng về một chính thể dân tộc, qua đó thổi bùng ý thức dân tộc đang ở trong trạng thái hoang mang, phân hóa và đang dần bị mai một. Bằng sự tôn vinh Dangun cũng như những nhân vật lịch sử tiêu biểu của Triều Tiên, quá khứ oai hùng của dân tộc, Shin Chae-ho đã khơi dậy tinh thần dân tộc tự cường của người Triều Tiên, khẳng định tính chính đáng của nền độc lập tự chủ của dân tộc Triều Tiên. Có thể nói, nền tảng của những sáng tác của Shin Chae-ho chính là sự thức tỉnh, sự giác ngộ dân tộc cùng hướng về cội nguồn để đoàn kết, thống nhất, cùng nhau xây dựng quốc gia dân tộc. Chính vì vậy, văn học Shin Chae-ho mang đậm màu sắc chính trị, hơn là hướng đến mục tiêu khơi dậy cảm hứng giải trí của đại chúng.

Một nhân vật tiêu biểu nữa cho những luận đàm về dân tộc chủ nghĩa thời kỳ cận đại của Hàn Quốc vào cuối thế kỷ XIX chính là Lee Gwang-soo (李光洙, 1892 - 1950). Ông là một trong những nhà văn có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với phong trào đổi mới văn học đầu thế kỷ XX của Hàn Quốc bởi những đột phá trong nhận thức về dân tộc và văn học. Tuy nhiên,

khác với Shin Chae-ho, Lee Gwang-soo lại chủ trương một sự cải tổ dân tộc hơn là sự giác ngộ dân tộc. Cải tổ ở đây mang nghĩa là sửa đổi, thay đổi để xây dựng cái mới. Điều này đồng nghĩa với biến đổi sang một trạng thái hoàn toàn mới, tuân theo cái mới. Nhân quan dân tộc chủ nghĩa của Lee Gwang-soo chịu ảnh hưởng của luận thuyết “Nội Tiên nhất thể (내선일체 - *Nhật Bản và Triều Tiên là một*)” của Nhật Bản. Với ông, Nhật Bản chính là đất nước có thể đánh thức tiềm năng thức tỉnh, khai sáng dân tộc. Cũng giống như đa số các trí thức đương thời, ông nhìn nhận vai trò của văn học là phương tiện nhanh nhất và hữu hiệu nhất trong việc giao tiếp với đại bộ phận người dân trong xã hội (minjung – dân chúng). Ông cho rằng “cái tình” là suối nguồn của đạo đức và định nghĩa văn học là những câu văn bao hàm những phân tử của “cái tình”, tách bạch văn học trở thành một lĩnh vực mang tính độc lập và đưa về phạm trù nghệ thuật. Bởi vậy, ông chủ trương đổi mới văn học và dùng tiểu thuyết làm phương tiện thức tỉnh, khai sáng đại chúng, trở thành một trong những người đi tiên phong trong việc cách mạng tiểu thuyết. Trong đó, những nỗ lực tích hợp khẩu ngữ với ngôn từ (언문일치 – *ngôn văn nhất trí*) hay thổi bùng ý thức về cái tôi cá nhân qua đề tài tình yêu nam nữ tự do, qua đó, nhấn mạnh ý nghĩa của văn chương khai sáng, khoác lên một diện mạo mới cho tiểu thuyết Hàn Quốc giai đoạn đầu thế kỷ với tác phẩm tiêu biểu đó là “Vô tình”, “Đất đai”, “Tái sinh” đã đưa ông trở thành một trong những tác giả đầu tiên và tiêu biểu của nền văn học hiện đại Hàn Quốc. Những nhân vật của Lee Gwang-soo thường mang đậm màu sắc hiện đại; đó là những trí thức trẻ, những con người đang trong tư thế sẵn sàng tiếp thu cái mới, cái hiện đại, luôn ở vị trí tiên phong, có suy nghĩ cấp tiến và nhãn quan mới về bản thân, về xã hội và đất nước, luôn trong tâm thế “dạy dỗ” những người dân Triều Tiên chưa được giác ngộ và thức tỉnh. Và

khi những người dân được “day dỗ” ấy không thể tiếp nhận được sự chỉ bảo của họ một cách toàn diện, họ thường rơi vào trạng thái buồn bã, bi ai. Vì vậy, có thể nói, chủ nghĩa dân tộc trong tiểu thuyết của Lee Gwang-soo mang màu sắc dân chủ tư sản và là chủ nghĩa dân tộc phản phong kiến, chủ nghĩa dân tộc khai sáng.

Trong địa hạt văn học Hàn Quốc, khi đề cập đến những tác gia đã có những đóng góp to lớn trong việc xây dựng một nền văn học dân tộc hiện đại, không thể không nhắc đến Yeom Sang-seop (廉想涉, 1897-1963). Hoạt động trên văn đàn từ năm 1918 cho đến năm 1961, hơn 40 năm sáng tác, Yeom Sang-seop đã để lại hơn 16 tiểu thuyết, hơn 160 truyện ngắn và truyện vừa cùng với hơn 300 bài phê bình, nghị luận (Munhak wa Jiseongsa, 2010). Có thể nói, khối lượng sáng tác như vậy cũng tương xứng với quãng thời gian hoạt động sáng tác, chứng kiến trọn vẹn tiến trình phát triển của lịch sử cũng như của văn học Hàn Quốc từ những năm đầu thế kỉ XX, khi Triều Tiên rơi vào ách thống trị của Nhật Bản đến những năm chiến tranh hai miền Nam - Bắc, chứng kiến nỗi đau của dân tộc bị chia cắt. Nhưng có thể nói, mấu chốt tạo nên vị trí của Yeom Sang-seop trong văn học Hàn Quốc chính là ý nghĩa thời đại của thế giới văn học do ông tạo nên. Yeom Sang-seop được coi là “nhà văn đứng ở vị trí trung tâm của hơi thở của văn học cận đại Hàn Quốc” bởi tính thời đại trong văn học của ông (Choi Won-shik, 1999).

Khác với Lee Gwang-soo, Yeom Sang-seop vẽ nên một diện mạo sắc nét của văn học cận hiện đại. Đó là văn học hướng đến sự giải phóng bản ngã, thức tỉnh ý chí của bản ngã để cá nhân có thể vượt qua nỗi đau tinh thần và tự mình cứu lấy mình, không phải là sự trông chờ vào một thần tượng nào cả. Từ những sáng tác đầu tay như “Chú ếch xanh trong phòng tiêu bản”, “Ám dạ (Đêm tối)”, “Trừ dạ (Đêm cuối cùng của năm)” cho đến “Trước phong trào

Manse”, “sự giày vò tinh thần” của cá nhân trước hiện thực đau khổ của Triều Tiên chính là từ khóa quan trọng của văn học Yeom Sang-seop. Quá trình giày vò tinh thần cũng chính là sự giác ngộ của cá nhân, đến với nhận thức rằng chính mình phải tự cứu lấy mình và đứng chân tại “ý thức về bản ngã mang tính dân tộc”. Đây chính là chủ thể cận đại chân chính, vượt lên sự xác lập chủ thể cận đại đơn thuần của hầu hết các tác giả đương thời.

4. Đặc trưng của chủ nghĩa dân tộc Hàn Quốc đầu thế kỉ XX

Chủ nghĩa dân tộc Hàn Quốc là sản phẩm mang tính cận đại, được tạo ra bởi quá trình cận đại hóa - quá trình thoát khỏi những tư tưởng phong kiến đã lạc hậu, lỗi thời và bước sang thời đại khai sáng, vươn tới trở thành một quốc gia dân tộc hiện đại. Tuy nhiên, quá trình đó đã diễn ra dưới sự can thiệp của Nhật Bản bằng hình thức cai trị, đồng hóa. Bởi vậy, chủ nghĩa dân tộc của Hàn Quốc không chỉ đơn thuần là sự nhận ra những tinh hoa, những nội lực tiềm tàng của những con người cùng chung ngôn ngữ, chung những đặc điểm nhân chủng và cùng sống trên bán đảo Hàn, mà còn là sự thức tỉnh trước nguy cơ quốc gia bị xâm lược, dân tộc bị đồng hóa. Chính vì vậy, những tác phẩm của thời kì này đều có thể coi là sản phẩm của những nỗ lực không muốn đánh mất tính bản thể dân tộc (민족적 정체성) trong hoàn cảnh đặc biệt - hoàn cảnh thuộc địa.

Chủ nghĩa dân tộc Hàn Quốc mang diện mạo chủ nghĩa lý tưởng, chủ nghĩa khai sáng. Một bộ phận lớn những trí thức sống trong thời đại đó khi chủ quyền đất nước bị rơi vào tay của thế lực bên ngoài, với họ, con đường ngắn nhất hay việc cần làm trước mắt để đạt được mục tiêu khôi phục chủ quyền của đất nước chính là việc dùng câu chữ và giáo dục để thức tỉnh dân tộc đang trong tình thế bại vong và họ coi đó như là sứ mệnh của bản thân. Vì vậy, rất nhiều trí thức đã cùng một

lúc đảm nhận nhiều vai trò, như nhà hoạt động cách mạng, nhà tư tưởng, nhà giáo dục, nhà văn, nhà thơ v.v...

Trong những năm đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa dân tộc Hàn Quốc được biểu hiện dưới hai hình thức: chủ nghĩa dân tộc có khuynh hướng dân chủ tư sản và chủ nghĩa dân tộc mang khuynh hướng đại chúng (Roh Jong-sang, 2015). Tuy nhiên, trong hoàn cảnh thuộc địa, khuynh hướng dân chủ tư sản đã bị lu mờ bởi khuynh hướng dân chủ vô sản bởi nhu cầu đấu tranh chống lại áp bức và bóc lột để giành lại và bảo vệ độc lập dân tộc mang ý nghĩa tích cực và tiến bộ. Nói cách khác, chủ nghĩa dân tộc Hàn Quốc có mối liên kết chặt chẽ với chủ nghĩa yêu nước.

Chủ nghĩa dân tộc Hàn Quốc đầu thế kỉ XX còn được biểu hiện dưới hình thức chủ nghĩa cá nhân trong nhận thức của một số trí thức đương thời. Chủ nghĩa cá nhân ở đây không mang nghĩa tôn sùng cá nhân của chủ nghĩa vị kỉ mà là sự đánh thức bản ngã, đồng cảm và hòa nhập với vận mệnh thuộc địa của dân tộc để xác định hướng đi mới phù hợp với chí hướng giải phóng dân tộc. Cá nhân vẫy vùng để thoát ra khỏi những ràng buộc của chế độ xã hội cũ, nhận thức đầy đủ về hiện thực thuộc địa với số phận của Triều Tiên và vị thế của Nhật Bản và tự giác ngộ về tính chủ động của bản thân, cần phải đứng dậy từ những đống nát, hoang tàn để xây dựng những mầm sống mới.

5. Kết luận

Bắt đầu manh nha từ cuối thế kỉ XIX, bước sang những năm đầu thế kỉ XX, tư tưởng chủ nghĩa dân tộc tại Hàn Quốc đã có sự định hình và được tiếp nhận, sử dụng một cách rộng rãi. Chủ nghĩa dân tộc giai đoạn này đã có những ảnh hưởng quan trọng đến hầu khắp các phương diện của đời sống xã hội như phong trào đấu tranh yêu nước, nghiên cứu, giáo dục quốc học, sáng tác văn học – nghệ

thuật,... Với những ảnh hưởng đó, tư tưởng chủ nghĩa dân tộc thời kì đầu đã trở thành một trong những động lực chính trị và xã hội quan trọng nhất của Hàn Quốc giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

Mặc dù còn tiếp tục biến đổi trong các giai đoạn sau này cũng như sự tồn tại những hạn chế nhất định về mặt lịch sử, song có thể nhận định chủ nghĩa dân tộc tại Hàn Quốc những năm đầu thế kỉ XX mang những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa dân tộc văn hóa, chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa lý tưởng và khai sáng. Cụ thể, nó nhấn mạnh vào các phạm trù như Quốc hồn, Quốc túy, Quốc sử, Quốc ngữ, Quốc văn... Thông qua đó, nó xác lập rõ phạm vi dân tộc Hàn trong sự tương quan với các dân tộc khác mà đặc biệt trong giai đoạn này là Nhật Bản, qua đó khẳng định tính độc lập và tự chủ của dân tộc Hàn.

Biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc trên các lĩnh vực cũng hết sức đa dạng. Trong nhiều trường hợp, chủ nghĩa dân tộc mang đặc trưng đại chúng, phổ quát, song trong một số phương diện cụ thể, liên quan đến sự áp dụng tư tưởng chủ nghĩa dân tộc và đấu tranh cách mạng, vào sáng tác văn học nghệ thuật, tùy vào từng đối tượng sử dụng mà chủ nghĩa dân tộc có thể được biểu hiện mang khuynh hướng giai cấp, khuynh hướng dân chủ tư sản hay thậm chí khuynh hướng chủ nghĩa cá nhân.

Tuy nhiên, tựu trung lại, không thể phủ nhận rằng tư tưởng về chủ nghĩa dân tộc cùng với những ảnh hưởng của nó đã tạo nên một cuộc cách mạng về mặt nhận thức đối với người dân Hàn Quốc giai đoạn đầu thế kỉ XX. Cụ thể, đây là lần đầu tiên có một sự soi chiếu, sự tự khẳng định về tính bản sắc – bản thể của cộng đồng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử và trên hầu khắp các phương diện từ sử học, văn học, nghệ thuật... Những đóng góp của tư tưởng chủ nghĩa dân tộc đã trực tiếp khai sinh ra nền quốc học sơ kỳ và để lại nhiều dấu ấn

quan trọng trong tiến trình lịch sử - văn hóa Hàn Quốc.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

Ban biên soạn giáo trình Hàn Quốc học (2005). *Lịch sử Hàn Quốc*. Seoul: Nxb ĐHQG Seoul.

Tiếng Hàn

Choi Dong-shik (1908). Thần chung phổ cảnh (tục), Honam học báo. *Cơ sở dữ liệu Lịch sử Hàn Quốc - Ủy ban biên soạn quốc sử Hàn Quốc*, truy cập ngày 3/11/2019, <http://db.history.go.kr/>

Choi Won-shik (1999). Hyeuh Bo Yeom Sang-seop - Trung tâm của hơi thở văn học cận đại, *Đi tìm văn học cận đại Hàn Quốc*. Incheon: Nxb Trường Đại học Inha.

Hội nghiên cứu Lịch sử Hàn Quốc (2009). *Chỉ dẫn mới về lịch sử Hàn Quốc (Quyển hạ)*. Seoul: Nxb Jishik Saneob.

Ko Mi-sook (2001). *Đi tìm cội nguồn của tinh thần hiện đại của Hàn Quốc - Dân tộc, tình dục, bệnh lý học*. Seoul: Nxb Cheksesang

Kwon Young-min (2010). *Lịch sử Văn học Hàn Quốc hiện đại 1896 - 1945*. Seoul: Nxb Mineum.

Lee Jong-kwon (2006). *Khảo sát về sự triển khai và triển vọng liên quan đến Chủ nghĩa dân tộc Hàn Quốc - Liên hệ với đặc tính của chủ nghĩa dân tộc*

Hàn Quốc. Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Đại học Inha, Incheon.

Munhak wa Jiseongsa (2010). *Trước phong trào Manse (Tuyển tập truyện vừa Yeom Sang-seop)*. Seoul: Nxb Munhak wa Jiseongsa.

Park Chan-seung (2016). *Dân tộc • Dân tộc chủ nghĩa*. Seoul: Nxb Sohwa, 131.

Ủy Lịch sử Đông Bắc Á, Mạng lịch sử Đông Bắc Á, truy cập ngày 3/9/2019, <http://contents.nahf.or.kr/>

Roh Jong-sang(2015). *Chủ nghĩa dân tộc Đông Á và tiểu thuyết hiện đại*. Seoul: Nxb Viện Tư liệu Quốc học.

Seo Eui-shik (2010). *Giáo dục Quốc sử và sự lý giải về Lịch sử cổ đại Hàn Quốc*. Seoul: Nxb Hyeon.

Shin Chae-ho (2017). *Tuyển tập tùy bút Shin Chae-ho*. Seoul: Nxb Jisikeul Mandeuneun Jisik.

Trung tâm nghiên cứu lịch sử Đại học Korea (2017). *Lịch sử Hàn Quốc*. Seoul: Nxb Đại học Korea.

Ủy ban biên soạn Đại sự điển bách khoa Hàn Quốc học (1994). *Đại sự điển bách khoa Hàn Quốc học (Quyển 1)*. Seoul: Nxb Eulyumunhwa.

Viện nghiên cứu Hàn Quốc học Trung ương. *Đại từ điển bách khoa văn hóa dân tộc Hàn Quốc*. Truy cập ngày 3/11/2019, www.encykorea.aks.ac.kr

Yun Hae-dong (2000). Phê phán tính cận đại của chủ nghĩa dân tộc Hàn Quốc. *Tạp chí nghiên cứu lịch sử*, 4.

Tiếng Trung

Cao Cường, & Lư Hải Linh (2002). Luận về Đại dân tộc chủ nghĩa của Lương Khải Siêu. *Journal of Baoji College of Arts and Sciences (Social sciences)*, 22(1), 75.

NATIONALISM IN KOREA IN THE LATE 19th AND EARLY 20th CENTURIES

Nguyen Le Thu, Tran Tung Ngoc

Faculty of Korean Language and Culture,

VNU University of Languages and International Studies,

Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: Nationalism is, among ideologies, an ideology penetrating into not only Korea but also East Asian nations in the modern period at the end of 19th century and in the early 20th century. Nationalism is also a very influential ideological movement throughout the historical and cultural course of Korea. The paper aims to review the acceptance process of and views on nationalism under outstanding Korean intellectuals and scholars' eyes in the early 20th century. Additionally, the study identifies the characteristics of nationalist ideology and its effects on social life in terms of patriotic struggle, trends toward research and national education as well as artistic and creative literature aspects.

Keywords: nationalism, modern Korean history, modern Korean Studies